

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014**

CP*MS*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Việt Duy	Chủ tịch
Ông Diệp Dậu Hùng	Ủy viên
Ông Trần Xuân Vũ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng Giám đốc
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 27).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Số: 120a/HDKT2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hồng Bàng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/07/2014 từ trang 05 đến trang 27.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo này vấn đề sau:

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà Công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Đại Hội cổ đông bất thường đã thông qua nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Giám Đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Nhân Bào

Nguyễn Lam Giang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0413-2013-088-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1750-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		27.571.328.548	24.301.723.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	17.000.532.568	15.079.343.868
1. Tiền	111		10.000.532.568	2.779.343.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	12.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.3	3.092.474.651	3.323.474.476
1. Phải thu khách hàng	131		2.580.000.000	2.830.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		459.771.715	474.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		51.000.336	16.000.336
5. Các khoản phải thu khác	138		1.702.600	3.474.140
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	2.478.321.329	898.904.890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		618.307.179	827.956.773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		17.687.150	17.918.117
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.842.327.000	53.030.000

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.028.685.140	5.523.406.002
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.542.399.896	5.037.120.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.950.665.526	2.132.215.413
- Nguyên giá	222		3.377.412.647	3.377.412.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.426.747.121)	(1.245.197.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	2.591.734.370	2.904.905.345
- Nguyên giá	228		4.952.957.400	4.952.957.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.361.223.030)	(2.048.052.055)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		486.285.244	486.285.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	6.065.969	6.065.969
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	4.8	199.939.275	199.939.275
4. Tài sản dài hạn khác	268	4.9	280.280.000	280.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		32.600.013.688	29.825.129.236

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.237.357.455	2.400.579.935
I. Nợ ngắn hạn	310	4.10	7.237.357.455	2.400.579.935
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		7.026.245	5.955.673
5. Phải trả người lao động	315		20.051.211	17.051.218
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2.082.510.000	306.100.000
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		5.354.000	4.238.650
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		5.122.415.999	2.067.234.394
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		25.362.656.233	27.424.549.301
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	25.362.656.233	27.424.549.301
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.637.343.767)	(22.575.450.699)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		32.600.013.688	29.825.129.236


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		128.184.710.000	101.173.555.000
6.1 Chứng khoán giao dịch		115.380.890.000	100.398.480.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		510.000.000	510.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		510.000.000	510.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		12.293.820.000	235.000.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		-	30.075.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-


 Mai Quốc Cường
 Người lập biểu


 Mai Quốc Cường
 Quyền Kế toán trưởng




 Lê Thị Anh Đào
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 07 năm 2014

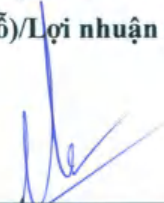
Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

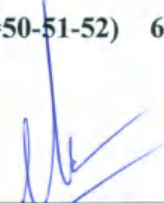
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014


MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu	01	5.1	900.302.447	434.607.056
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		291.391.309	99.233.971
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	210.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		608.911.138	119.714.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		900.302.447	434.607.056
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	5.2	1.624.210.729	1.633.562.800
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(723.908.282)	(1.198.955.744)
6. Chi phí quản lý	25	5.3	1.340.984.786	1.830.596.202
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(2.064.893.068)	(3.029.551.946)
8. Thu nhập khác	31	5.4	3.000.000	129.090.910
9. Chi phí khác	32	5.5	-	116.780.033
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.000.000	12.310.877
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.061.893.068)	(3.017.241.069)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.061.893.068)	(3.017.241.069)


Mai Quốc Cường
Người lập biểu


Mai Quốc Cường
Quyền Kế toán trưởng


Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 07 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(2.061.893.068)	(3.017.241.069)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		494.720.862	586.649.693
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(602.759.198)	(110.422.455)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.169.931.404)	(2.541.013.831)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.558.066.208)	(820.617.632)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.836.777.520	(1.299.641.783)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		209.649.594	(415.662.275)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.041.365.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(90.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.318.429.502	(4.125.570.521)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(266.616.820)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		602.759.198	110.422.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		602.759.198	(136.194.365)

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.921.188.700	(4.261.764.886)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.079.343.868	10.174.774.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		17.000.532.568	5.913.009.696



Mai Quốc Cường
Người lập biểu



Mai Quốc Cường
Quyên Kế toán trưởng





Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Số dư đầu		Số tăng/giảm				Số dư cuối	
	Năm trước 01/01/2013	Kỳ này 01/01/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013		Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014		Năm trước 31/12/2013	Kỳ này 30/06/2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	50.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(18.792.405.321)	(22.575.450.699)	-	(3.783.045.378)	-	(2.061.893.068)	(22.575.450.699)	(24.637.343.767)
Cộng	16.207.594.679	27.424.549.301	15.000.000.000	(3.783.045.378)		(2.061.893.068)	27.424.549.301	(24.637.343.767)


Mai Quốc Cường
Người lập biểu


Mai Quốc Cường
Quyền Kế toán trưởng


Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 07 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau :

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lầu 1, Tòa nhà số 50-52, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ tài chính này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	08

3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

3.6 Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.10 Ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.11 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	5.398.589.111 (a)	1.762.174.408
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4.601.943.457 (b)	1.017.169.460
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000 (c)	12.300.000.000
Cộng	17.000.532.568	15.79.343.868

(a) Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	2.916.474.298	1.395.596.459
Tiền gửi của Công ty	2.482.114.793	366.577.949
Cộng	5.398.589.111	1.762.174.408

(b) Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của nhà đầu tư	4.601.943.457	1.017.169.460
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của Công ty	-	-
Cộng	4.601.943.457	1.017.169.460

(c) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn.

4.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.580.000.000 (a)	2.830.000.000
Trả trước cho người bán	459.771.715 (b)	474.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	51.000.336	16.000.336
Các khoản phải thu khác	1.702.600	3.474.140
Cộng	3.092.474.651	3.323.474.476

(a) Bao gồm các khoản phải thu các đối tượng sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Bùi Minh Đông	-	200.000.000
Mai Đức Hội	500.000.000 (i)	500.000.000
Trần Hồng Hải	250.000.000 (ii)	300.000.000
Trần Đình Hậu	1.050.000.000 (iii)	1.050.000.000
Trần Thị Minh Nguyệt	780.000.000 (iv)	780.000.000
Cộng	2.580.000.000	2.830.000.000

(i) Theo hợp đồng số 03-2012/HĐ-HBSC ngày 10/10/2012, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Mai Đức Hội. Tính đến ngày 09/07/2014 Công ty đã thu khoản tiền 500.000.000 VNĐ của ông Mai Đức Hội.

(ii) Theo hợp đồng số 06-2012/HĐ-HBSC ngày 14/12/2012, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Trần Hồng Hải. Công ty đã thu khoản tiền của ông Trần Hồng Hải số tiền 50.000.000 VNĐ vào ngày 20/06/2014 và số tiền 200.000.000 VNĐ vào ngày 09/07/2014 .

(iii) Theo hợp đồng số 04 - 2013/HĐ-HBSC ngày 02/11/2013 và hợp đồng số 04-2013 ngày 10/11/2013, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Trần Đình Hậu. Tính đến ngày 09/07/2014 Công ty đã thu khoản tiền 100.000.000 VNĐ của ông Trần Đình Hậu.

(iv) Theo hợp đồng số 2.1-2013/HĐ-HBSC ngày 10/11/2013 giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với bà Trần Thị Minh Nguyệt. Tính đến ngày 09/07/2014 Công ty đã thu khoản tiền 100.000.000 VNĐ của bà Trần Thị Minh Nguyệt.

(b) Chủ yếu là khoản ứng trước số tiền 441.000.000 VNĐ cho Công ty TNHH MTV Giải Pháp Công Nghệ Phúc Khang theo Hợp đồng số 2112/HDKT-2011 về việc nâng cấp phần mềm giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	618.307.179 (*)	827.956.773
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17.687.150	17.918.117
Tạm ứng của nhân viên Công ty	1.842.327.000	53.030.000
Cộng	2.478.321.329	898.904.890

(*) Bao gồm

	Số cuối kỳ
	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	107.779.728
Chi phí phục vụ giao dịch trực tuyến	173.000.000
Tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận	203.360.749
Chi phí thuê máy chủ	4.375.000
Chi phí thuê mặt bằng	70.999.996
Chi phí khác	58.791.706
Cộng	618.307.179

4.5 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.131.075.813	114.121.422	1.245.197.234
Tăng trong kỳ	167.006.913	14.542.974	181.549.887
<i>Khấu hao</i>	<i>167.006.913</i>	<i>14.542.974</i>	<i>181.549.887</i>
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.298.082.726	128.664.396	1.426.747.121
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.013.599.364	118.616.050	2.132.215.413
Số dư cuối kỳ	1.846.592.451	104.073.076	1.950.665.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.6 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình	Phần mềm quản lý	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.033.824.364	14.227.691	2.048.052.055
Tăng trong kỳ	310.982.097	2.188.878	313.170.975
Khấu hao trong kỳ	310.982.097	2.188.878	313.170.975
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.344.806.461	16.416.569	2.361.223.030
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.884.111.036	20.794.309	2.904.905.345
Số dư cuối kỳ	2.573.128.939	18.605.431	2.591.734.370

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí khác chờ phân bổ	6.065.969	6.065.969
Cộng	6.065.969	6.065.969

4.8 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	60.831.667	60.831.667
Tiền lãi phân bổ hàng năm	19.107.608	19.107.608
Cộng	199.939.275	199.939.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.9 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	269.280.000	269.280.000
Đặt cọc thuê máy phát điện	8.000.000	8.000.000
Ký quỹ Taxi Vinasun	3.000.000	3.000.000
Cộng	280.280.000	280.280.000

4.10 Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.026.245	5.955.673
Phải trả người lao động	20.051.211	17.051.218
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.082.510.000	306.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.122.415.999	2.067.234.394
- Tiền ký quỹ giao dịch CK của nhà đầu tư	5.052.262.662	2.031.024.371
- Bảo hiểm, kinh phí công đoàn, khác	70.153.337	36.210.023
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	5.354.000	4.238.650
Cộng	7.237.357.455	2.400.579.935

4.11 Vốn chủ sở hữu**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	(18.792.405.321)	16.207.594.679
Tăng vốn	15.000.000.000		15.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(4.024.293.796)	(4.024.293.796)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	(22.816.699.117)	27.183.300.883
Tăng vốn	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	(2.061.893.068)	(2.061.893.068)
Số dư cuối kỳ	50.000.000.000	(24.637.343.767)	25.362.656.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND.

- Tại ngày 10/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

	Vốn thực tế đã góp			
	30/06/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Hoàng Việt Duyệt	2.250.000.000	4.50	2.250.000.000	4.50
Lê Thị Anh Đào	2.450.000.000	4.90	2.450.000.000	4.90
Diệp Dậu Hùng	2.485.710.000	4.97	2.485.710.000	4.97
Các cổ đông khác	42.814.290.000	85.63	42.814.290.000	85.63
Cộng	50.000.000.000	100.00	50.000.000.000	100.00

Cổ phiếu

	30/06/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	291.391.309	99.233.971
Doanh thu tư vấn và môi giới chuyển nhượng CP	-	-
Doanh thu tư vấn doanh nghiệp	-	210.000.000
Doanh thu về vốn kinh doanh	608.911.138	119.714.005
<i>Lãi tiền gửi không kỳ hạn</i>	<i>66.709.200</i>	<i>73.512.621</i>
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>536.049.998</i>	<i>36.909.834</i>
<i>Phí chuyển nhượng quyền tiền bán chứng khoán</i>	<i>6.151.940</i>	<i>3.791.550</i>
<i>Thu khác</i>	<i>-</i>	<i>5.500.000</i>
Cộng	900.302.447	434.607.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	179.310.510	575.382.478
Chi phí nhân viên	381.420.182	376.669.257
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	573.339.636	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.125.862	573.330.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.014.539	108.181.066
Cộng	1.624.210.729	1.633.562.800

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	590.691.016	738.335.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	144.361.696	3.054.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.595.000	94.858.107
Thuế, phí và lệ phí	5.094.105	51.591.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	511.468.822	888.139.809
Chi phí bằng tiền khác	80.774.147	54.616.767
Cộng	1.340.984.786	1.830.596.202

5.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(2.061.893.068)	(3.017.241.069)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám Đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Đơn vị tính: VND			
	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
Ngày 30/06/2014				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-
Phải trả người lao động	-	20.051.211	-	20.051.211
Chi phí phải trả chi phí trích trước khác	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	-	7.204.925.999	-	7.204.925.999
	-	7.224.977.210	-	7.224.977.210
Ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-
Phải trả người lao động	-	17.051.218	-	17.051.218
Chi phí phải trả và	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

chi phí trích trước khác			
Các khoản phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	-	2.373.334.394	- 2.373.334.394
	-	2.390.385.612	- 2.390.385.612

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 01/01/2014 và ngày 30/06/2014.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Các khoản vay ngân hàng được ghi nhận theo phương pháp chiết khấu sử dụng tỷ lệ lãi suất thực tế. Việc xác định giá trị chiết khấu có tính đến các chiết khấu hoặc phụ trội cũng như các khoản phí hoặc chi phí khác là một phần không thể tách rời của lãi suất thực tế.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2014 của Công ty:

10/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2014		31/12/2013		30/06/2014	31/12/2013
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền gửi ngắn hạn	7.000.000.000	-	12.300.000.000	-	7.000.000.000	12.300.000.000
Phải thu khách hàng	2.580.000.000	-	2.830.000.000	-	2.580.000.000	2.830.000.000
Phải thu khác và phải thu hoạt động chứng khoán	52.702.936	-	19.474.476	-	52.702.936	19.474.476
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Tiền	10.000.532.568	-	2.779.343.868	-	10.000.532.568	2.779.343.868
Tổng cộng	19.633.235.504	-	17.928.818.344	-	19.633.235.504	17.928.818.344
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-	-	-
Phải trả người lao động	20.051.211	-	17.051.218	-	20.051.211	17.051.218
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	-	-	-	-	-
Phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	7.204.925.999	-	2.373.334.394	-	7.204.925.999	2.373.334.394
Tổng cộng	7.224.977.210	-	2.390.385.612	-	7.224.977.210	2.390.385.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6.2 Thông tin về các bên liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Diệp Dậu Hùng

Ủy viên HĐQT – Cổ đông

Bà Lê Thị Anh Đào

Tổng giám đốc – Cổ đông

Ông Quách Văn Long

Quyền Phó Tổng giám đốc – Cổ đông

Ông Hoàng Việt Duy

Chủ tịch HĐQT – Cổ đông

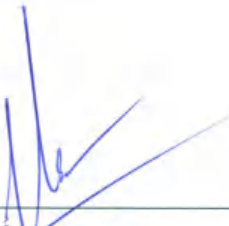
Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Quách Văn Long – Tạm ứng	1.688.000.000	-
Ông Quách Văn Long – Tiền gửi giao dịch CK	-	48.153.901
Ông Hoàng Việt Duy – Tiền gửi giao dịch CK	43.350.030	222.449.354

6.3 Giả định về hoạt động liên tục

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội cổ đông bất thường ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ đã được thông qua. Tại ngày 05/09/2013, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh.


 Mai Quốc Cường
 Người lập biểu


 Mai Quốc Cường
 Quyền Kế toán trưởng



 Lê Thị Anh Đào
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 07 năm 2014